TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2026
"V/v tranh chấp ly hôn nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Quế Minh.

2. Ông Trần Thành Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cù Thị Ngọc Hân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tăng Thị Ngọc H, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, tỉnh An Giang. Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tùng A, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tăng Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T Anh tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn ngày 09/04/2021, tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh An Giang)

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Tùng A cờ bạc, nợ nần, thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng bà H, ngoài ra còn không hòa hợp về tư tưởng, lối sống, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung bà H có nhiều lần góp như nhưng ông Tùng A không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Tùng A.

Về con chung: Bà Tăng Thị Ngọc H xác định bà và ông Nguyễn Văn T Anh có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A1, sinh ngày 02/4/2021 và Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 16/09/2013.

Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Ngọc Trâm A1, sinh ngày 02/4/2021 và Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 16/09/2013, không yêu cầu ông Tùng A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tùng A: Không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị Ngọc H.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Tùng A vắng mặt nên không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H vắng mặt – có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Tùng A vắng mặt và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ kèm theo đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ tranh chấp cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn Tùng A và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con". Bị đơn ông Nguyễn Văn T Anh có địa chỉ cư trú tại tổ A, ấp V, xã V, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Tăng Thị Ngọc H vắng mặt - có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn Tùng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Tăng Thị Ngọc H và bị đơn ông Nguyễn Văn Tùng A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Tùng A tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là xã V) tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn V nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nguyên nhân mâu thuẫn, bà H cho rằng do ông Tùng A cờ bạc, nợ nần, thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng bà H, ngoài ra còn không hòa hợp về tư tưởng, lối sống, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung.

Đồng thời trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Tùng A biết bà có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án và cũng không có động thái sửa đổi để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ lo cho con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa bà H và ông Tùng A tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, từ tình cảm yêu thương, nhưng khi đã thành vợ chồng thì một trong các bên không xây dựng gia đình hạnh phúc.

Mặc dù được hòa giải, động viên nhưng bà H không đồng ý tạo thêm cơ hội cho ông Tùng A hàn gắn, mà vẫn kiên quyết ly hôn. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa ông bà trong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tăng Thị Ngọc H đối với ông Nguyễn Văn Tùng A.

[2.2] Về con chung: Bà H trình bày ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A1, sinh ngày 02/4/2021 và Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 16/09/2013. Từ đó đến nay do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện hai cháu đang chung sống với bà, cháu Nguyễn Thị Gia H1 có văn bản trình bày muốn sống cùng với mẹ.

Vì vậy, xét để ổn định về mọi mặt của hai cháu nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận giao quyền cho bà H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên bà H không yêu cầu ông Tùng A cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà Tăng Thị Ngọc H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn T Anh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, phía bị đơn ông Tùng A vắng mặt và không gửi ý kiến, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này ông bà tranh chấp có đơn khởi kiện sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; điểm c khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tăng Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T Anh

2.Về con chung: Bà Tăng Thị Ngọc H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Nguyễn Ngọc Trâm A1, sinh ngày 02/4/2021 và Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 16/09/2013.

Ông Nguyễn Văn T Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà H không có yêu cầu.

Bà Tăng Thị Ngọc H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn T Anh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có

thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Tăng Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí tòa án số 301583 ngày 23 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Tăng Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Tăng Thị Ngọc H, bị đơn ông Nguyễn Văn T Anh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDKV 10 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Phòng THADSKV 10 – An Giang
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh An;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Bích